

Bản án số: 45/2022/HS-ST

Ngày: 14 – 3 – 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Thái Thục Hiền.

2/ Bà Lý Ngọc Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Khá – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 196/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Tiên L, sinh ngày 01/02/2000, tại: Thành phố H; nơi cư trú: (Hộ khẩu thường trú: Số 7 Lô 36 PTH, Phường B, Quận T, Thành phố H; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị Mỹ D; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Tại Quyết định số 64/2019/QĐ-TA ngày 18/3/2019, Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, với thời hạn là 18 tháng; đến ngày 25/7/2020 chấp hành xong quyết định.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/5/2021 đến nay. (Có mặt).

Bị hại:

1. Nguyễn Phước Quý P, sinh năm: 2001; nơi cư trú: (HKTT: Số 16/16A1 CG, phường OL, Quận M, Thành phố H; Tạm trú: Số 116/22 NCT, phường NCT, Quận M, Thành phố H; địa chỉ liên lạc: Tổ 5, ấp K, xã TK, huyện CG, tỉnh LA). (Vắng mặt).

2. Mai Văn H, sinh năm: 1981; Nơi cư trú: Số 637/6B PTH, Phường B, Quận T, Thành phố H. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1/ Vụ án “Trộm cắp tài sản”: Vào khoảng 21 giờ, ngày 21/02/2021, Nguyễn Tiến L đi bộ từ nhà tại xã BH, huyện BC, Thành phố H đến khu vực Phường B, Quận T tìm tài sản sơ hở chiếm đoạt. Khi L đi đến bên hông nhà không số, kế số 20/11 lô 33 PTH, Phường B, Quận T thì phát hiện 01 xe gắn máy biển số 59T2 - 448.97 của anh Nguyễn Phước Quý P dựng tại đây; nhưng không có người trông coi. L lén lút đi đến đẩy bộ xe máy trên ra đường ĐH, Phường B, Quận T rồi rút dây công tắc nổ máy xe và điều khiển đến khu vực bên xe Quận T (Phường N, Quận T) liên hệ bán xe cho 01 người thanh niên (không rõ lai lịch) với giá 3.500.000 đồng (dùng mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết).

Ngày 08/3/2021, Hội đồng định giá tài sản phục vụ công tác tố tụng hình sự Quận 8 có kết luận định giá xác định trị giá xe gắn máy biển số 59T2-448.97 là 19.800.000 đồng.

Bị hại Nguyễn Phước Quý P yêu cầu L bồi thường thiệt hại số tiền 24.000.000 đồng.

2/ Vụ án “Cướp giật tài sản”: Vào khoảng 21 giờ, ngày 24/5/2021, Nguyễn Tiến L điều khiển xe gắn máy biển số 69AA-014.25 (xe của Trần Anh T), chở T lưu thông trên đường BD, Phường B, Quận T. Khi cả hai lưu thông đến trước số 58 BD, Phường B, Quận T thì phát hiện anh Mai Văn H dùng xe tại đây, trên tay anh H đang cầm 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A50. Lúc này, T dùng tay khều vào hông của L thì L hiểu ý, nên liền điều khiển xe áp sát xe anh H để T dùng tay giật được chiếc điện thoại của anh H; sau đó L tăng ga xe cùng T tẩu thoát.

Anh H cùng quần chúng nhân dân đuổi theo L và T, khi đến trước số C7/17F tổ 209 ấp 4A, xã BH, huyện BC, Thành phố H thì L và T tự bị ngã xe. L bị bắt giữ cùng vật chứng và phương tiện gây án. Riêng T bỏ chạy thoát.

Ngày 28/5/2021, Hội đồng định giá tài sản phục vụ công tác tố tụng hình sự Quận 8 có Kết luận định giá tài sản xác định trị giá chiếc điện thoại nêu trên là 2.500.000 đồng.

Ngày 13/12/2021, Cơ quan điều tra đã lập biên bản trả lại tài sản cho anh Mai Văn H.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:

Xe gắn máy biển số 69AA-01425 do bà Lê Thị Diễm T (ngụ ấp 2, xã A, thành phố CM, tỉnh CM) đứng tên chủ sở hữu. Vào tháng 01/2018, cháu ruột của bà T là anh Lê Chí M có dựng xe gắn máy biển số 69AA-014.25 phía trước nhà tại ấp 2, xã A, thành phố CM, tỉnh CM thì bị mất trộm. Ngày 30/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 có công văn gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau để tiếp nhận vật chứng, phối hợp điều tra theo quy định.

Đối với Trần Anh T là đồng phạm cùng bị cáo L trong vụ án “Cướp giật tài sản”, hiện không có mặt tại địa phương; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 tiếp tục điều tra và sẽ xử lý sau.

Đối với người thanh niên mua xe gắn máy biển số 59T2 - 448.97 của bị cáo L (do bị cáo L trộm cắp mà có), quá trình điều tra không xác định được lai lịch; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 không có cơ sở để xử lý trong vụ án này.

Bản cáo trạng số 05/CT-VKSQ8 ngày 28/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Tiến L về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 171; Khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến L:

+ Mức án từ 03 năm 03 tháng tù đến 04 năm 03 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”;

+ Mức án từ 01 năm tù đến 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Tổng hợp hình phạt tù, buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù chung của 02 tội danh từ 04 năm 03 tháng tù đến 05 năm 06 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn phần hình phạt bổ sung cho bị cáo (do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, khó thi hành).

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo L bồi thường cho bị hại số tiền 24.000.000 đồng (vụ trộm cắp tài sản).

- Về xử lý vật chứng: Xử lý theo quy định của pháp luật.

* Bị cáo Nguyễn Tiến L thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện và không tranh luận, không bào chữa, bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của: Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại gì về hành vi và quyết định của người tiến hành tố tụng, của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tiến L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện. Cụ thể:

- Vào khoảng 21 giờ, ngày 21/02/2021, tại bên hông nhà không số, kế số 20/11 lô 33 đường PTH, Phường B, Quận T; bị cáo Nguyễn Tiến L đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe gắn máy, biển số 59T2 - 448.97, của anh Nguyễn Phước Quý P, trị giá 19.800.000 đồng,

- Khoảng 21 giờ, ngày 24/5/2021, tại trước số 58 đường BD, Phường B, Quận T; bị cáo Nguyễn Tiến L cùng Trần Anh T thực hiện hành vi dùng xe gắn máy biển số 69AA-014.25 làm phương tiện để công khai nhanh chóng chiếm đoạt 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A50, của anh Mai Văn H, trị giá 2.500.000 đồng.

Xét lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Tiến L phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

[3] Tài sản mà bị cáo L chiếm đoạt trong cả 02 vụ án đều thuộc trường hợp tài sản có giá trị dưới 50.000.000 đồng.

Do đó, với hành vi đã thực hiện và trị giá tài sản bị chiếm đoạt; đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Nguyễn Tiến L đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự: Xét, trong vụ án “Cướp giật tài sản”: Khi phạm tội, bị cáo L đã cùng đồng phạm sử dụng xe gắn máy có phân khối lớn làm phương tiện di chuyển rồi bất ngờ áp sát, nhanh chóng chiếm đoạt tài sản của bị hại, sau đó lập tức tăng ga phóng nhanh để tẩu thoát, đe dọa đến sự an toàn về tính mạng, sức khỏe của bị hại cũng như của những người tham gia giao thông và chính bản thân của bị cáo; nên bị cáo đã phạm tội thuộc trường hợp “Sử dụng thủ đoạn nguy hiểm”. Đây là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Vì vậy, bị cáo Nguyễn Tiến L phải bị xét xử theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, lẽ ra, bị cáo phải biết tu dưỡng, sửa chữa lỗi lầm và phấn đấu thành công dân sống có ích cho gia đình, cho xã hội; ngược lại, bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử cần lưu ý khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Trong lần xét xử này, bị cáo Nguyễn Tiến L phải bị tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với từng hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[7] Về tính đồng phạm trong vụ án “Cướp giật tài sản”: Đây là vụ án có đồng phạm, nhưng mang tính chất giản đơn, không có tính tổ chức chặt chẽ; trong đó, bị cáo L giữ vai trò là đồng phạm (điều khiển xe gắn máy để T thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản), riêng T là người rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản). Do đó, Hội đồng xét xử cần cân nhắc vai trò đồng phạm, cũng như tính chất, mức độ tham gia tội phạm của bị cáo

L theo quy định tại Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) khi quyết định hình phạt.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về lỗi lầm đã gây ra. Ngoài ra, trong vụ án “Cướp giật tài sản”, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại, nên được xem là phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (đối với vụ án “Trộm cắp tài sản”. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt đối với từng hành vi phạm tội theo quy định tại điểm h, điểm i, điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[9] Bản Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Nguyễn Tiến L là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội; quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở pháp luật; mức án mà Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về hình phạt bổ sung:

- Theo quy định tại Khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung một số tiền nhất định từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng;

- Theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Nhưng xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và khó thi hành; nên Hội đồng xét xử không phạt bổ sung đối với bị cáo.

[11] Về trách nhiệm dân sự:

- + Đối với vụ án “Cướp giật tài sản”: Trong giai đoạn điều tra, bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường, tại phiên tòa vắng mặt; nên không xem xét giải quyết.

- + Đối với vụ án “Trộm cắp tài sản”: Trong giai đoạn điều tra, bị hại Phát yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 24.000.000 đồng (trị giá chiếc xe gắn máy bị chiếm đoạt, không thu hồi được). Bị cáo đồng ý bồi thường số tiền nêu trên theo yêu cầu của bị hại, nhưng bị cáo xin được thực hiện bồi thường nhiều lần, sau khi chấp hành án trở về.

Xét, giữa bị cáo L và bị hại Phát đã thống nhất với nhau số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 24.000.000 đồng, nhưng hai bên không thống nhất về phương thức, thời gian thực hiện bồi thường.

Theo quy định của pháp luật về nguyên tắc bồi thường thiệt hại thì thiệt hại thực tế phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời, nếu các bên không có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Vì vậy, bị cáo L phải có trách nhiệm thực hiện bồi thường một lần số tiền nêu trên cho bị hại Phát, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[12] Về xử lý vật chứng:

- Xe gắn máy biển số 59T2 - 448.97: Không thu hồi được, nên không có cơ sở xem xét xử lý.

- Chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy A50: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 trả lại cho bị hại là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Xe gắn máy biển số 69AA-014.25: Ngày 30/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 có công văn gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau để tiếp nhận vật chứng, phối hợp điều tra làm rõ; là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[13] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] Đối với Trần Anh T là đồng phạm cùng bị cáo L trong vụ án “Cướp giật tài sản”, hiện không có mặt tại địa phương; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 tiếp tục điều tra làm rõ và sẽ xử lý sau.

[15] Đối với người thanh niên mua xe gắn máy biển số 59T2 - 448.97 của bị cáo L (do L trộm cắp mà có), quá trình điều tra không xác định được lai lịch; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 không có cơ sở để xử lý trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm d Khoản 2 Điều 171; các điểm: h, s Khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- + Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tiến L 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản”.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 173; các điểm: i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- + Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tiến L 01 (Một) năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tổng hợp hình phạt tù chung của 02 (Hai) tội danh mà bị cáo Nguyễn Tiến L phải chấp hành là 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính kể từ ngày 25/5/2021.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Tiến L.

- Về trách nhiệm dân sự:

- + Đối với vụ án “Cướp giật tài sản”: Không giải quyết.

- + Đối với vụ án “Trộm cắp tài sản”: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều: 584, 585, 586, 587, 590, 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cùng Luật Thi hành án Dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Tiến L thực hiện bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại Nguyễn Phước Quý P, với số tiền là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Thi hành việc bồi thường một lần, ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Tiến L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm với số tiền là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải bồi thường do tài sản bị xâm phạm cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PC.53 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- CQĐT CAQ.8;
- CQTHAHS Q.8; NTG CAQ.8;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trọng Trú